VOCA CHECK UNIT 4 (LAST) GRADE 10

trốn/ che giấu (v) (v1-v2-v3)	
điền vào mẫu (v)	
đăng ký (v)	
triển lãm (v) (n)	
buổi triển lãm (n)	
khuyến khích/ khích thích/ khuấy động (v)	
thoát khỏi (v)	
bao gồm (v)	
phàn nàn về điều gì đó (v)	
hình như/ có vẻ như (v)	
giai đoạn / khoảng thời gian	
Kiểm tra miệng	
kiểm tra giữa kỳ	
đặc trưng/ đặc tính	
cảnh vật/ cảnh trong phim	
tiểu học	
trường cấp hai	
trường cấp ba	
Học kỳ	
giờ giải lao	
sự chụp ảnh / bức ảnh	
người chụp ảnh	
cách chụp ảnh/ nhiếp ảnh	
ăn ảnh	
thuật chụp ảnh	
xung quanh / lân cận (n)	
sự đau khổ	
đam mê	
người lao động	
giáo viên là người nước ngoài	
dịch vụ (n)	
quảng cáo (n)	
dịch bệnh (n)	
MÙ (adj)	
ĐIẾC (adj)	
BỊ KẸT (adj)	
CÂM (adj)	
tật nói ngọng (n)	
trẻ em tàn tật (n)	
trí não chậm phát triển / tâm thần (adj)	
Opposed to # satisfied with	

LIVEWORKSHEETS